

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trương Xuân Vũ;

2- Ông Hoàng Văn Yên.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu G 39 tuổi

Địa chỉ: Thôn M- xã A P- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

Bị đơn: Anh Lý Văn H 44 tuổi

Địa chỉ: Thôn M- xã A P- huyện L- tỉnh Y đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 11-12-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu G trình bày: Chị và anh Lý Văn H về sống chung năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, đến tháng 12 năm 2003 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A P- huyện L- tỉnh Y. Những năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, về sau mâu thuẫn ngày càng gay gắt khiến chị không thể chịu được áp lực cuộc sống gia đình. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Chị và anh Lý Văn H có hai cháu là Lý Ngọc V sinh ngày 14-9-2001 và Lý Minh H1 sinh

ngày 23-4-2008; ly hôn chị sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lý Văn H vắng mặt. Trong biên bản lấy lời khai (Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử), anh Lý Văn H trình bày cơ bản như lời khai của chị G. Tuy nhiên theo anh từ năm 2009 anh bị mắc căn bệnh xã hội sau đó mắc nhiều bệnh khác nên sức khỏe yếu; trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Cô G làm đơn xin ly hôn do nguyên nhân gì anh không biết. Nay xác định vẫn còn tình cảm anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con trưởng thành. Trường hợp nếu cô G kiên quyết ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung, nếu ly hôn việc ở với ai do con quyết định; nếu con ở với bố, anh không yêu cầu cô G phải cấp dưỡng nuôi con. Về sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt đầy đủ là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thu G được ly hôn với anh Lý Văn H. Giao cháu Lý Minh H1 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Thu G và anh Lý Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã A P- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Lý Văn H đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Lý Văn H kết hôn năm 2003, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong thời gian qua vợ chồng chị G- anh H không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Lý Văn H không có mặt tham gia các phiên hoà giải. Chị Nguyễn Thị Thu G khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Trong biên bản lấy lời khai quan điểm của anh H là mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị G kiên quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu G có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu G và anh Lý Văn H có hai cháu là Lý Ngọc V sinh ngày 14-9-2001 và Lý Minh H1 sinh ngày 23-4-2008; cháu V đã trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án chị G đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh H là việc ai nuôi con sẽ do con quyết định.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Xét hoàn cảnh thực tế anh Lý Văn H hiện tại bị bệnh tật, sức khỏe không tốt; cháu Lý Minh H1 là con gái đang độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên rất cần sự gần gũi, chăm sóc của người mẹ. Trong đơn đề nghị cháu H cũng thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó cần giao cháu H cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị G không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thu G được ly hôn với anh Lý Văn H.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao cháu Lý Minh H1 sinh ngày 23-4-2008 cho chị Nguyễn Thị Thu G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lý Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Thu G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị G đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001584 ngày 11-12-2023.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Thị Thu G có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lý Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã A P;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô